CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TÍN PHÁT -----o0o----- Số: 2610.2026/TBCB-TP *"V/v: Công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên nghành xây dựng"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do Hạnh phúc** -----o0o----- *Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở xây dựng Hà Tĩnh;
Chủ đầu tư; Ban quản lý dự án; Tư vấn thiết kế; Tư vấn giám sát; Nhà thầu thi công; Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

Căn cứ nghị định số 62/2016/ND-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ nghị định số 35/2023/ND-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ nghị định số 14/2026/ND-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ công văn số 327/SXD-HĐXD4 ngày 19/01/2026 của Sở Xây dựng Hà Tĩnh về việc triển khai thực hiện quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Tín Phát công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1.1 Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG TÍN PHÁT**

Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 3001318601, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 23/09/2010. Đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04/01/2023.

Địa chỉ: Số 322 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh

Đại diện: Trần Xuân Cửu — Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0979819818 — Email: tinphat01@gmail.com

Mã số thuế: 3001318601 — Website: https://tinphatjsc.com/

1.2 Thông tin phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm vật liệu và Kiểm định chất lượng công trình**

Địa chỉ: Số 322 đường Hà Huy Tập, phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh

Trưởng phòng: Lê Đức Huy

Điện thoại: 0979819818 — Email: tinphat01@gmail.com

(Kế thừa năng lực thí nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình Las-XD568 do Bộ Xây dựng cấp tại giấy chứng nhận số 837/GCN-BXD ngày 20/07/2019; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số:2436/GCN-SXD do Sở Xây dựng Hà Tĩnh cấp ngày 05 tháng 08 năm 2024)

1.3 Thông tin các trạm thí nghiệm hiện trường: Không

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; Tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**XI MĂNG**			
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng; khối lượng thể tích của xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng(0,09mm; 0,045mm) Cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy, Dầu hoả, Bình khối lượng riêng, chậu nước...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), Bàn dằn tạo mẫu, Máy thử độ bền uốn và nén, gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén...	
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0.01g), ống dong, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây, khuôn chứa mẫu...	
II	**BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**			
4.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt, Que chọc, Phễu đổ hỗn hợp, Thước lá kim loại...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
5.	Xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022	Côn thử độ sụt, bàn rung Que chọc, thành đầu, vebe Phễu đổ hỗn hợp, Thước lá kim loại...	
6.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	Cân kỹ thuật (0,5g), Thước lá kim loại, Thùng 5l (d40), thùng 15l (d100)...	
7.	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022;	Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml Cân kỹ thuật (0,1g), Búa con, cối chày, Bình hút ẩm, Tủ sấy, Sàng 5, 1.25, 0.125 mm, Nước lọc, dầu hoả, cồn 90°, 2SO4 đđ, CaCl2 khan...	
8.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022;	Cân kỹ thuật (5g), Thùng ngâm mẫu, Tủ sấy, Khăn	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			lau mẫu, Bình hút ẩm chứa Cacl2 khan...	
9.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Bình hút ẩm, Cân kỹ thuật (0.01g), Thước lá kim loại; Tủ sấy, Túi bóng kính...	
10.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	Máy nén, Thước lá kim loại, Đệm truyền tải...	
11.	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy thử uốn cơ cấu truyền lực, Thước lá kim loại...	
12.	Xác định cường độ kéo khi bửa	TCVN 3120:2022	Máy nén, Đệm gỗ, Gối truyền tải...	
13.	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	Máy nén, Khung đo biến dạng, Đồng hồ thiên phân kế...	
14.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2022	Lực kế và kim xuyên, Khuôn chứa mẫu,Sàng 5mm, Que chọc và bơm tiêm (hút nước tách bề mặt bê tông)...	
III	**CỐT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG, VỮA VÀ CẤP PHỐI ĐÁ DĂM**			
15.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006 TCVN 8859:2023	Cân kỹ thuật (0.1g), Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
16.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật (0.1g), Tủ sấy, Bình dung tích, bằng thuỷ tinh (1,05 lít đến 1,5 lít)và có tấm nắp đậy kín khí...	
17.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật (0.1g), Giỏ cân thuỷ tĩnh, Thùng ngâm mẫu, Khăn thấm nước Tủ sấy, Thước kẹp, Bàn chải sắt...	
18.	Tỷ trọng khối cốt liệu	AASHTO T84-00 (2004); ASTM C 128-97; AASHTO T85-91 ASTM C 127-88 (1993)	Cân kỹ thuật, Giỏ cân thuỷ tĩnh, tủ sấy...	
19.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1l; 2l; 5l; 10l và 20l, Cân kỹ thuật (0.01g), Phễu chứa vật liệu, Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy, Thước lá kim loại, Thanh gỗ/sắt thẳng...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
20.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy, Dụng cụ đảo mẫu...	
21.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật (0.01g), Thùng rửa cốt liệu, Đồng hồ bấm giây, Tủ sấy, Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch, Que hoặc kim sắt nhỏ...	
22.	Xác định hàm lượng hạt sét sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 344 : 1986	Cân kĩ thuật (0,01g), Bình dung tích l000ml, Đũa thuỷ tinh, Tủ sấy, Nhiệt kế…	
23.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Ống thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml, Cân kỹ thuật (0.01g), Bếp cách thủy, Sàng 20 mm, Thang màu để so sánh, Thuốc thử: dd NaOH 3%...	
24.	Xác định cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén, Máy khoan và cắt đá, Máy mài nước; Thước kẹp, Thùng/chậu để ngâm mẫu...	
25.	Xác định độ nén dập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 757211:2006	Máy nén, Xi lanh bằng thép, có đáy rời, Cân kỹ thuật (0.5g), Sàng 2,5mm, Tủ sấy, Thùng ngâm mẫu.	
26.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006	Máy Los Angeles, Bi thép (8-:-12 viên), Cân kỹ thuật (0,5g), Sàng 1,7 mm, Tủ sấy..	
27.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật (0,1g), Thước kẹp, Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy...	
28.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy, Bộ sàng tiêu chuẩn Kim sắt, kim nhôm...	
29.	Xác định hàm lượng hạt bị dập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy, Bộ sàng tiêu chuẩn Kim sắt, kim nhôm...	
30.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy, Bộ sàng tiêu chuẩn, Giấy nhám khổ, 30x210mm, Đũa thủy tinh...	
31.	Xác định hệ số (ES)	AASHTO T176:02	Cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy, Bộ sàng tiêu chuẩn	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Bộ thiết bị thí nghiệm phù hợp...	
32.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012	Bộ thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của đất rời...	
33.	Hàm lượng hạt lọt qua sàng có kích thước lỗ sàng 0.075mm, xác định bằng phương pháp rửa.	TCVN 9205:2012	Cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy, Bộ sàng tiêu chuẩn…	
34.	Xác định góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép...	
IV	**ĐẤT, CẤP PHỐI ĐÁ DĂM TRONG PHÒNG**			
35.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Dầu hoả, Bơm+bình hút chân không, Cân kỹ thuật (0.01g), Bình tỷ trọng (100cm^3), Cối chày sứ (đồng), Sàng 2mm, Bếp cát, Tủ sấy, Tỷ trọng kế, Thiết bị ổn nhiệt, Hộp nhôm có nắp...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
36.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy,Cân kỹ thuật (0.01g), Hộp nhôm có nắp, Bình hút ẩm, Sàng (1mm), Cối và chày sứ, Khay...	
37.	Xác đinh giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Các tấm kính nhám, Sàng (1mm), Cối và chày sứ Cân kỹ thuật (0.01g), Hộp nhôm có nắp, Tủ sấy, Bát sứ tráng men, Dao để trộn Dụng dụ Casagrande...	
38.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Cân kỹ thuật (0.01g), Bộ sàng,Cối và chày sứ, Tủ sấy, Bình hút ẩm, Quả lê bằng cao su, Dao con, Cân (1g), Tỷ trọng kế, Bình đong,Nhiệt kế (0,5°C), Que khuấy, Đồng hồ bấm giây...	
39.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 TCVN 10322:14	Dao vòng bằng kim loại, Thước kẹp, Dao cắt, Cân kỹ thuật (0,01g), Các tấm kính, Hộp nhôm có nắp, Tủ sấy, Bình hút ẩm...	
40.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020	Máy nén CBR, Chày đầm cải tiến , Cối CBR, Tấm đệm, Tấm đo – Trương nở,	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Đồng hồ đo trương nở, Giá đỡ thiên phân kế, Tấm gia tải ...	
41.	Xác định cường độ kéo ép chẻ của vật liệu liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011	Máy nén 30KN, Khuôn ép chẻ, Tủ sấy, bể ngâm mẫu...	
42.	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020 TCVN 8721:2012 TCVN 4201:2012	Bộ cối chày đầm, Cân, Chậu, bay trộn...	
43.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Bộ thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của đất rời...	
44.	Gia cố đất yếu – Trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012	Máy nén, Dao gọt đất, Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, Tủ sấy, Cân kỹ thuật (0.01g)...	
V	**THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**			
45.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	TCVN 12791:2020 TCVN 8729:2012	Dao đai tròn bằng thép hay đồng (100 đến 200cm^3), Cân kỹ thuật (0.5g), Dao gạt đất lưỡi phẳng, Hộp nhôm, Chảo sấy, Búa đóng loại 0,5kg...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
46.	Xác định độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006 TCVN 8730:2012	Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, đế định vị), Cát chuẩn Cân 15kg (0.5g), Cồn/ bếp ga, Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi...	
47.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước dài 3m (nhẹ, đủ cứng, độ võng <0,5mm, bằng hợp kim nhôm hay gỗ tốt), nêm bằng kim loại có khắc vạch mm...	
48.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Cát chuẩn, Ống đong cát Bàn xoa cát hình tròn, Bàn chải sắt và bản chải lông mềm, Cân có độ nhậy 0,1g Tấm chắn gió...	
49.	Xác định modul đàn hồi "E"nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Xe chất tải...	
50.	XĐ môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011	Cần Benkenman, Xe chất tải...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
51.	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở…	
52.	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế…	
53.	Xác định cường độ nén của bê tông xi măng khoan từ cấu kiện công trình	TCVN12252:2022; TCVN 14524:2025 TCVN 3118:2022	Máy khoan mẫu, máy cắt mẫu, máy nén 30T…	
54.	Phân loại đất đá trong xây dựng	TCVN 11676:2016	Cân kỹ thuật, Bộ sàng…	
55.	Xác định thành phần hạt của đất trong điều kiện hiện trường	22TCN66:1984	Cân kỹ thuật, Bộ sàng…	
VI	**KIM LOẠI, LIÊN KẾT HÀN**			
56.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp, Cân kỹ thuật; Thước lá kim loại...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
57.	Thử uốn	TCVN 198:2008	Máy kéo, nén vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ...	
58.	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy kéo, nén vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ...	
59.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp, Cân kỹ thuật (0,1g), Thước lá kim loại...	
60.	Thử kéo bulong	TCVN 1916:1995	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, bộ ngàm kẹp...	
61.	Thử kéo mối hàn kim loạiThử kéo ngang	TCVN 8310: 2010	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp, Cân kỹ thuật (0,1g), Thước lá kim loại...	
62.	Thử kéo mối hàn kim loạiThử kéo dọc	TCVN 8311: 2010	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp, Cân kỹ thuật (0,1g), Thước lá kim loại...	
63.	Cốt thép bê tông – Mối nối bằng ống Gen	TCVN 8163:2009	Máy kéo, nén vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, Thước kẹp, Cân kỹ thuật (0,1g), Thước lá kim loại...	
VII	**VỮA XÂY DỰNG**			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Cân kỹ thuật (0.5g), Thùng ngâm mẫu, Tủ sấy, Bộ sàng..	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
65.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Cân kỹ thuật (0.1g), Bay, chảo trộn mẫu/ máy trộn vữa, Thiết bị thí nghiệm độ linh động...	
66.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật (0.5g), Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít...	
67.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Môi, thìa xúc bằng thép, Thùng chứa, bay, dao, Cân kỹ thuật (0.5g), Máy trộn…	
68.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Khâu đựng vữa hình côn, Kim đâm xuyên, Vòng đệm có đường kính ngoài 20mm, Cơ cấu đòn bẩy tạo lực ấn kim đâm xuống mẫu thử, Đồng hồ bấm giây; Phòng/thùng dưỡng hộ Bay, chảo…	
69.	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật (0.1g), Tủ sấy, Thước kẹp, Cân thuỷ tĩnh...	
70.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022	Khuôn bằng kim loại, Chày đầm mẫu, Thùng bảo dưỡng mẫu, Tấm kính, có diện tích đủ lớn để đậy kín khuôn, Máy thử uốn, Máy nén phù hợp...	
71.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	Cân kỹ thuật (0.5g), Thùng ngâm mẫu, Tủ sấy, Khăn lau mẫu...	
VIII	**GẠCH ĐẤT SÉT NUNG**			
72.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén, uốn; Độ hút nước; Khối lượng thể tích; Độ rỗng; Sự thoát muối; Vết tróc do vôi	TCVN 6355:2009	Máy cưa cắt mẫu, dụng cụ làm phẳng mẫu, Máy nén, thước kỹ thuật, Tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật có thể cân thủy tĩnh, thùng chứa mẫu khi cân...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
IX	**GẠCH BÊ TÔNG**			
73.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ rỗng; Cường độ chịu nén; Độ	TCVN 6477:2016	Máy cưa cắt mẫu, dụng cụ làm phẳng mẫu, Máy nén, thước kỹ thuật, Tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cân...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	thấm nước; Độ hút nước			Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
X	**GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN**			
74.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén; Độ hút nước; Độ mài mòn	TCVN 6476:2016	Dụng cụ làm phẳng mẫu, Máy nén, thước kỹ thuật, Tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật…	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
X	**GẠCH TEZARO**			
75.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ hút nước; Độ bền uốn; Độ chịu mài mòn	TCVN 7744:2013	Dụng cụ làm phẳng mẫu, Máy nén, thước kỹ thuật, Tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật…	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
XI	**GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN**			
76.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn; độ hút nước; tải trọng uốn gãy; độ hút nước; độ chịu lực va đập xung kích	TCVN 6065:1995	Máy cưa cắt mẫu; dụng cụ làm phẳng mẫu, Máy nén, thước kỹ thuật, Tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật có thể cân thủy tĩnh, thùng chứa mẫu khi cân. Bộ đo độ cứng...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
XII	**GẠCH GRANITO**			
77.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ mài mòn và độ cứng lớp mặt, độ chịu lực xung kích	TCVN 6074:1995	Máy cưa cắt mẫu; dụng cụ làm phẳng mẫu, Máy nén, thước kỹ thuật; Tủ sấy, Bộ đo độ cứng...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang
XIII	**ĐÁ TỰ NHIÊN**			
78.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan: Độ hút nước; Khối lượng thể tích; Độ bền uốn; Độ chịu mài mòn bề mặt, cường độ chịu nén, độ bền va đập	TCVN 4732:2016 TCVN 7572-10:2006	Máy cắt mẫu, Cân kỹ thuật, tủ sấy, Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, giỏ đựng mẫu, Máy nén 30T, gối uốn, Máy kiểm tra độ mài mòn đá tự nhiên...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
XIV	**BỘT KHOÁNG**			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
79.	Xác định thành phần hạt, độ ẩm	22TCN 58:1984 TCVN 12884-2:2020	Bộ sàng tiêu chuẩn, Cân kỹ thuật (0,1g), Bát sứ; Bình đựng nước (6-10l); Bình hút ẩm...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
80.	Chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:2012	Các tấm kính nhám, Sàng (1mm), Cối và chày sứ, Cân kỹ thuật (0.01g), Hộp nhôm có nắp...	
81.	Lượng mất khi nung	22TCN 58:1984	Lò nung 1000°C, chén sứ, bình hút ẩm…	
82.	Xác định khối lượng riêng	22TCN 58:1984 TCVN 8735: 2012	Bình khối lượng riêng (100-500cm^3), Cân kỹ thuật (0.01g), Máy hút chân không, Bình để rửa; Tủ sấy, Nhiệt kế, Sàng (1,25 và 0,14mm), Bát sứ, Bình hút ẩm...	
83.	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984	Khuôn để xác định khối lượng thể tích, Cân kỹ thuật (0.01g), Khay đựng, Dao gạt bằng, Chổi lông mềm...	
84.	Xác định khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100-50cm^3), Cân kỹ thuật (0.01g), Máy hút chân không, Bình để rửa, Tủ sấy, Nhiệt kế, Sàng (1,25 và 0,14mm), Bát sứ, Bình hút ẩm...	
85.	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	Khuôn để xác định khối lượng thể tích, Cân kỹ thuật 0,5g, Khay đựng mẫu, Dao gạt bằng, Chổi lông mềm...	
86.	Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100-500cm^3), Cân kỹ thuật (0.01g), Máy hút chân không, Bình để rửa; Tủ sấy, Nhiệt kế, Sàng (1,25 và 0,14mm), Bát sứ, Bình hút ẩm...	
87.	Độ ẩm	TCVN 12884-2:2020 TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật (0.01g), Hộp ẩm, Dao gạt bằng, Chổi lông mềm, Tủ sấy…	
88.	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
89.	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp	22 TCN 58:1984	Bình khối lượng riêng (100-500cm^3), Cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy,	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	bột khoáng và nhựa đường		Nhiệt kế, Bát sứ, Bình hút ẩm...	
90.	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:1984 TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật (0.01g), Hộp ẩm, Dao gạt bằng, Chổi lông mềm, Tủ sấy...	
XV	**NHỰA BITUM; NHỰA ĐƯỜNG LỎNG**			
91.	Xác định độ kim lún và tỷ lệ độ kim lún còn lại so với độ kim lún ban đầu ở 25oC Chỉ số kim lún PI	TCVN 7495:2005 Phụ luc A – TCVN 13567-1:2022	Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế, Chậu nhôm... đáy phẳng (Φ55, cao 35mm), Bình chứa cốc mẫu (≥Φ90, cao ≥55mm), Chậu đựng nước (15l), Bếp ga hoặc bếp điện, Thiết bị điều hòa nhiệt trong phòng...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
92.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	Máy kéo dài (5cm±0,5cm/ph), Khuôn bằng đồng, Nhiệt kế; Chậu đựng nước (15l), Bếp ga, bếp điện, Dao cắt, gọt nhựa...	
93.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	-Khuôn tròn có đk trong Φ15.9 ± 3mm cao 6.4±4mm để chứa nhựa đường, Bi thép (Φ9,5±0,03mm), nặng 3,5±0,05g, Khuôn treo, Vòng dẫn hướng của bi thép, Bình thuỷ tinh 800ml, Dao cắt, dùng căt nhựa, Nhiệt kế, Bếp ga hoặc bếp điện, Dụng cụ và hóa chất cần dùng: Ethylene glycol, Vadơlin, Nước đá...	
94.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005 TCVN 8818-2:2011	Gía có vòng đỡ mẫu, Cốc mẫu bằng đồng ĐK trong Φ63 ±1mm Chiều sâu 33 ± 1mm, Nhiệt kế, Đồng hồ bấm giây, Bình ga gia nhiệt...	
95.	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:05	Giá quay tổn thất 5v/p, Tủ sấy, hộp nhôm...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
96.	Xác định tỷ lệ khối lượng nhựa đường sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h so với khối lượng ở 25°C	22TCN 279:01	Dùng dụng cụ của phương pháp 1.Phương pháp thí nghiệm xác định độ kim lún của nhựa đường; 2. Phương pháp thí nghiệm lương tổn thất sau khi đun nóng nhựa đường ở 163°C trong 5 giờ. Sau đó giữ lại mẫu nhựa để xác định độ kim lún sau khi đun.	
97.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	Bình tỷ trọng, chậu ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion...	
98.	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504 : 2005	Giá treo bám dính, đồng hồ bấm giây, cốc chứa nhựa...	
99.	Độ hoà tan trong dung dịch Trichlorothylen	TCVN 7500:2005	Bình đựng dung dịch, Nhiệt kế, Bếp ga hoặc bếp điện, Dao cắt, gọt nhựa…	
XVI	**BÊ TÔNG NHỰA**			
100.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, Khuôn gá kiểu Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, Nhiệt kế, Bình ổn định nhiệt...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
101.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy chiết li tâm, Tủ sấy, Bếp cát, Lò nung, Chén sứ, Giấy lọc, Các dung môi hoà tan nhựa đường...	
102.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng tiêu chuẩn, Cân kỹ thuật (0.5g), Bát sứ, Chậu rửa, Tủ sấy...	
103.	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông Nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình tỉ trọng kế (250 hay 500cm^3, Cân kỹ thuật (0.01g), Máy hút chân không, Chậu rửa, Nước cất...	
104.	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của BTN đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật (0.01g), Chậu men (thủy tinh 2-3l), Đúc sẵn 3 mẫu trong khuôn...	
105.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại bền nhiệt, Cân kỹ thuật 0.1g, Dụng cụ trộn...	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
106.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép, Cân kỹ thuật 0.1g...	
107.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Cân kỹ thuật 0.1g, Chậu đáy bằng (8-10l cao 150mm), Nhiệt kế, Bình ổn định nhiệt...	
108.	Phương pháp xác định độ rỗng dư và độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-9:2011 TCVN 8860-10:2011	Bình tỉ trọng kế (250 hay 500cm^3, Cân kỹ thuật (0.01g), Máy hút chân không...	
109.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Bình tỉ trọng kế (250 hay 500cm^3, Cân kỹ thuật (0.01g), Máy hút chân không...	
110.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Bình tỉ trọng kế (250 hay 500cm^3, Cân kỹ thuật (0.01g), Máy hút chân không...	
111.	Xác định hàm lượng vật liệu lọt sàng 75 µm (số 200) bằng phương pháp rửa	AASHTO-T11	Sàng 0,075, Cân kỹ thuật (0.01g), Tủ sấy...	
112.	Thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa nóng – PP thiết kế	TCVN 13567:2022 TCVN 8819:2011	Cân 1g, 0.1g, 0.01g; bộ sàng bê tông nhựa, máy nén mashall, tủ sấy, bếp ga, bay trộn mẫu...	
113.	Khối lượng thể tích của bê tông nhựa tái chế đã đầm nén, Cường độ chịu nén nở hông	TCVN 13150:2020	Cân 1g, cân 0.01g, Thước lá, bộ đầm mashall, tủ sấy, bếp ga, bay trộn mẫu...	
114.	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011	Máy nén 30t, Cân kỹ thuật (0.01g), Giá ép chẻ...	
XVII	**ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH**			
115.	Xác định đầm nén chặt, Xác định cường độ kháng ép, Xác định mô đun đàn hồi, Xác định cường độ kháng kéo, Xác định độ ổn định	22TCN59-84	Bộ cối đầm chặt, Cân kỹ thuật (0,01g), Chảo, Máy nén 30t, Bộ gá ép...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm công bố	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Nhân sự thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	nước sau 5 chu kỳ bão hòa -sấy			
116.	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:2013	Máy nén 30t, Bộ gá ép...	
XVIII	**NƯỚC XÂY DỰNG**			
117.	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011	Bộ dụng cụ thí nghiệm nước...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng
118.	Xác định hàm lượng clorua CL	TCVN 6194:1996		
119.	Xác định hàm lượng SO4 2-	TCVN 6200:1996		
120.	Xác định hàm lượng muối hòa tan, Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1998		
121.	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996		
XIX	**BENTONITE**			
122.	Xác định khối lượng riêng, Độ nhớt, Hàm lượng cát, Độ pH, tỷ lệ chất kéo, lượng mất nước	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Bộ dụng cụ thí nghiệm Bentonite...	Lê Đức Huy Phan Xuân Thiện Trần Xuân Lam Phan Thị Thanh Thảo Phạm Tiến Hải Thái Đình Khang Phạm Công Bằng

Ghi chú: Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

2.2 Danh mục máy móc, thiết bị

STT	Tên thiết bị	Model	Đặc trưng kỹ thuật	Số lượng
1	Cân điện tử	FHB	Mức cân lớn nhất: 3500g Giá trị độ chia: 0.01g	01
2	Cân điện tử	TPS30	Mức cân lớn nhất: 30kg Giá trị độ chia: 1,0g	01
3	Cân điện tử	CPT0123	Mức cân lớn nhất: 30kg Giá trị độ chia: 1,0g	01
4	Cân không tự động (cân đĩa)	HAW-15D	Mức cân lớn nhất: 1.5kg Giá trị độ chia: 0,5g	01
5	Cân không tự động (cân đĩa)	GS-HAW30	Mức cân lớn nhất: 3kg Giá trị độ chia: 1g	01
6	Máy thử mài mòn Los Angeles	Cơ khí	TCVN 1772:87; ASTM C131	01
7	Kích thủy lực	N/A	Pạm vi đo: (0 -:313.81)kN (32 tấn)	01
8	Tủ lò nung	SX2-4-10	Phạm vi đo: Nhiệt độ môi trường +10^{0}C đến 1200^{0}C Độ phân giải 10^{0}C	01
9	Tủ nhiệt (Tủ sấy)	101-2	Phạm vi đo: (0 ÷ 300) ^{0}C; Độ phân giải 1^{0}C	01
10	Máy đo điện trở tiếp đất	KEW 4105A	20Ω/200Ω/2000Ω Thang đo 20Ω	01
11	Máy chiết nhựa ly tâm	Cơ khí	Tốc độ quay 3600 (vòng/phút)	01
12	Máy nén CBR	SG-100D	Phạm vi đo: 0 ÷ 50 kN Đồng hồ so (0 ÷ 10) mm, giá trị vạch chia 0.01 mm	01
13	Máy thử độ bền kéo nén	WE-600B	Phạm vi đo: (0 ÷ 120) kN; Giá trị vạch chia 0,5 kN Phạm vi đo: (0 ÷ 300) kN; Giá trị vạch chia 1.0 kN Phạm vi đo: (0 ÷ 600) kN; Giá trị vạch chia 2.0 kN	01
14	Máy thử độ bền nén	TYE-2000	Phạm vi đo: (0 ÷800) kN; Giá trị vạch chia: 2.5kN Phạm vi đo: (0 ÷2000) kN; Giá trị vạch chia: 5 kN;	01
15	Máy thử độ bền nén	DYE-2000	Phạm vi đo: (0 ÷800) kN; Giá trị vạch chia: 2.5kN Phạm vi đo: (0 ÷2000) kN; Giá trị vạch chia: 5 kN;	01
16	Máy nén Marshall	Ứng biến	Phạm vi đo: (0 ÷30) Kn Đồng hô so: (0-:-30)mm; Giá trị độ chia: 0.01mm	01
17	Máy thử độ bền nén	MC 100	Phạm vi đo: (0 -:10)Kn; Giá trị vạch chia: 0.1kN Phạm vi đo: (0 -:100)Kn; Giá trị vạch chia: 0.5kN	01
18	Đồng hồ so	Cơ	Phạm vi đo: (0 ÷ 10)	04

STT	Tên thiết bị	Model	Đặc trưng kỹ thuật	Số lượng
			Giá trị độ chia: 0.01mm	
19	Đồng hồ so (cần Benkelman)	Cơ	Phạm vi đo: (0 ÷ 10) Giá trị độ chia: 0.01mm	01
20	Máy đo độ kim lún nhựa đường	SZR-6	Bể điều nhiệt: (0 ÷ 100^{0}C) Giá trị độ chia: 0.01mm	01
21	Máy đo độ hoá mền nhựa đường	SYD-2806E	Bể điều nhiệt: (0 ÷ 100^{0}C) Trọng lượng viên bi: 3.5g	01
22	Máy đo độ giãn dài của nhưa đường	SY-1.5	Bể điều nhiệt: (0 ÷ 100^{0}C) Giá trị độ chia: 0.01mm Độ chia: phạm vi đo (0-1600)mm, giá trị vạch chia: 1mm	01
23	Máy trộn vữa, xi măng	YD 90S-8/4	Chuyển động quay tròn: 140 và 285 (vòng/phút) Chuyển động hành trình: 62 và 125 (vòng/phút)	01
24	Bể điều nhiệt	CF-B	Phạm vi đo: (Nđm+5 – 100) ^{0}C Giá trị độ chia: 0,1^{0}C	01
25	Phương tiện đo lực (Máy nén tam liên)	WG	(0-244.80) kgf, diện tích làm việc: 30cm2, tỷ lệ cánh tay đòn 1:12 (0-204.00) kgf, diện tích làm việc: 50cm2, tỷ lệ cánh tay đòn 1:10	01
26	Phương tiện đo lực (Máy cắt phẳng)	WG	Phạm vi đo: (0-1.2) kN Đồng hồ so: (0-10)mm; giá trị chia: 0.01mm	01
27	Phương tiện đo – Thiết bị dằn tạo mẫu vữa xi măng	ZS-15	Tiêu chuẩn GB/T2419-2004	01
28	Phương tiện đo – Máy đo độ mài mòn	TA-75	Tiêu chuẩn TCVN 6415-6:2005	01

Ghi chú:

- *Danh mục trên chưa bao gồm hệ thống sàng, thước, ...và hệ thống máy móc, trang thiết bị phụ trợ khác*
- *Các loại máy móc, thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng và kiểm định/ hiệu chuẩn định kỳ đúng quy định đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt.*

2.3 Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên

STT	Họ và Tên	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ/ chứng nhận nghiệp vụ	Công việc được giao	Ghi chú
1	Trần Xuân Cửu	Kỹ sư xây dựng		Giám đốc công ty	
2	Lê Đức Huy	Kỹ sư xây dựng	Quản lý phòng thí nghiệm; Thí nghiệm Phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu xây dựng Bồi dưỡng kỹ thuật nghiệp vụ lớp thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng công trình giao thông	Trưởng phòng Phụ trách chung	
3	Phan Xuân Thiện	Kỹ sư xây dựng	Quản lý hoạt động chuyên nghành Xây dựng; Thí nghiệm Phương pháp xác định các tính chất cơ lý Bê tông và Vật liệu xây dựng	Phó phòng Thí nghiệm	
4	Phạm Tiến Hải	TC nghề	Thí nghiệm vật liệu xây dựng Thí nghiệm dây dẫn điện và phương pháp đo điện trở tiếp địa	Thí nghiệm viên	
5	Thái Đình Khang	TC nghề	Thí nghiệm vật liệu xây dựng Thí nghiệm Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường Bồi dưỡng kỹ thuật nghiệp vụ lớp thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên	
6	Phan Thị Thanh Thảo	TC nghề	Thí nghiệm vật liệu xây dựng Phân tích hoá học cốt liệu và nước dùng cho bê tông và vữa	Thí nghiệm viên	
7	Trần Xuân Lam	TC nghề	Thí nghiệm vật liệu xây dựng	Thí nghiệm viên	
8	Phạm Công Bằng	TC nghề	Thí nghiệm vật liệu xây dựng	Thí nghiệm viên	

Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định xây dựng Tín phát chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; Tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo;

Cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của Pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

M.S.D.N: 3001[illegible] - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH XD TÍN PHÁT
P. THÀNH SEN - T. HÀ TĨNH

Trần Xuân Cửu